

Số: 1793/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 10 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung;
phê duyệt Quy trình nội bộ, liên thông giải quyết thủ tục hành chính
trong lĩnh vực khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 383/TTr-STNMT ngày 10/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này:

1. Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường (kèm theo Danh mục).

2. Phê duyệt Quy trình nội bộ, liên thông giải quyết thủ tục hành chính đối với thủ tục hành chính được nêu tại khoản 1 Điều này (kèm theo Quy trình).

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh) và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện công khai thủ tục hành chính và Quy trình đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh theo đúng quy định. Hoàn thành xong trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, VPCP (CDVCQG);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Phòng NNTN, CCHC (VLI_{13/23});
- Lưu: VT. Lai(567).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Văn Bi



DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH CÀ MAU

(Kèm theo Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 10/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

*** CÁCH THỨC THỰC HIỆN**

Cách thức, trình tự thực hiện tại tỉnh Cà Mau

Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ, thủ tục hành chính trực tiếp đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau thông qua Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau (Địa chỉ: Tầng 1, tầng 2, Tòa nhà Viettel, số 298, đường Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích, nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ website <https://dichvucong.gov.vn> hoặc Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Cà Mau, địa chỉ website <https://dichvucong.camau.gov.vn> (nếu đủ điều kiện theo quy định).

Thời gian tiếp nhận: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), cụ thể như sau:

- + Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút.
- + Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.

| TT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|----|--------------------------------|----------------------------------|---|---|---|---|---|
| 1 | 1.000778 .000.00.0 0.H12 | Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản | Không quá 69 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (cắt giảm 18/87 ngày làm việc, tỷ lệ cắt giảm 21%) | - Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm GQTTHC tỉnh Cà Mau; - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường; | - Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 4.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là | - Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày | Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "1.000778" trên Cổng Dịch |


| TT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|----|------------------|---------------------------------|------------------------|--|----------------------------------|---|------------------|
| | | | | - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh | 15.000.000 đồng/01 giấy phép. | 26/3/2012 của Chính phủ; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 53/2013/TT-BTNMT ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính. | vụ công quốc gia |

| TT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|----|--------------------------------|---|--|--|---|--|--|
| 2 | 1.004481 .000.00.0 0.H12 | Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản | Không quá 28 ngày làm việc (cắt giảm 17/45 ngày làm việc, tỷ lệ cắt giảm 38%) | <ul style="list-style-type: none"> - Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm GQTTHC tỉnh Cà Mau; - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường; - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh | <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép. | <ul style="list-style-type: none"> - Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; | Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "1.004481" trên Cổng Dịch vụ công quốc gia |
| 3 | 2.001814 .000.00.0 0.H12 | Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản | Không quá 28 ngày làm việc (cắt giảm 17/45 ngày làm việc, tỷ lệ cắt giảm 38%) | <ul style="list-style-type: none"> - Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm GQTTHC tỉnh Cà Mau; - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường; - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh | <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép. | <ul style="list-style-type: none"> - Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày | Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "2.001814" trên Cổng Dịch vụ công quốc gia |

| TT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|----|--------------------------------|---|---|---|----------------------|--|--|
| | | | | | | <p>12/5/2023 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> | |
| 4 | 1.005408 .000.00.0 0.H12 | Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản | Không quá 28 ngày làm việc (cắt giảm 17/45 ngày làm việc, tỷ lệ cắt giảm 38%) | <p>- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm GQTTHC tỉnh Cà Mau;</p> <p>- Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh</p> | Không | <p>- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;</p> <p>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> | Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "1.005408" trên Công Dịch vụ công quốc gia |

| TT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|----|--------------------------------|--|---|---|---|--|--|
| 5 | 2.001787 .000.00.0 0.H12 | Phê duyệt trữ lượng khoáng sản | Không quá 146 ngày làm việc (cắt giảm 38/184 ngày làm việc, tỷ lệ cắt giảm 21%) | <ul style="list-style-type: none"> - Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm GQTTHC tỉnh Cà Mau; - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường; - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. | <ul style="list-style-type: none"> - Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế (không bao gồm thuế GTGT) đến 01 tỷ đồng: Mức thu 10 triệu đồng. - Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế (không bao gồm thuế GTGT) trên 01 đến 10 tỷ đồng: Mức thu 10 triệu đồng + (0,5% x phần tổng chi phí trên 1 tỷ đồng). - Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế (không bao gồm thuế GTGT) trên 10 đến 20 tỷ đồng: Mức thu 55 triệu đồng + (0,3% x phần tổng chi phí trên 10 tỷ đồng); - Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế (không bao gồm thuế GTGT) trên 20 tỷ đồng: Mức thu 85 triệu đồng + (0,2% x phần tổng chi phí trên 20 tỷ đồng). | <ul style="list-style-type: none"> - Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; | Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "2.001787" trên Công Dịch vụ công quốc gia |
| 6 | 1.004083 .000.00.0 0.H12 | Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt | Không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | <ul style="list-style-type: none"> - Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm GQTTHC tỉnh Cà Mau; - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường; | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; | Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "1.004083" |

| TT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|----|------------------------|--|---|---|--|--|--|
| | | đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản | | - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. | | - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; | trên Công Dịch vụ công quốc gia |
| 7 | 1.004446.000.00.00.H12 | Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình | 1. Đối với hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản: Không quá 69 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (cắt giảm 18/87 ngày, tỷ lệ cắt giảm 21%). 2. Đối với hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: Không quá 26 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (cắt giảm 14/40 ngày làm | - Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm GQTTHC tỉnh Cà Mau; - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường; - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. | 1. Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản và Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: a) Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối: - Có công suất khai thác dưới 5.000 m ³ /năm: 1.000.000 đồng/giấy phép. - Có công suất khai thác từ 5.000 m ³ đến 10.000 m ³ /năm: 10.000.000 đồng/giấy phép. - Có công suất khai thác trên 10.000 m ³ /năm: 15.000.000 đồng/giấy phép. b) Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: | - Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; | Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "1.004446" trên Công Dịch vụ công quốc gia |

| TT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|----|---|---------------------------------|--|--------------------|---|----------------|---------|
| |  | | <p>việc, tỷ lệ cắt giảm 35%)</p> <p>3. Đối với hồ sơ khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: Không quá 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (cắt giảm 12/57 ngày làm việc, tỷ lệ cắt giảm 21%).</p> | | <ul style="list-style-type: none"> - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm: 15.000.000 đồng/giấy phép. - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm a nêu trên: 20.000.000 đồng/giấy phép. - Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối | | |

| TT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|----|------------------|---------------------------------|------------------------|--------------------|--|----------------|---------|
| | | | | | <p>quy định tại mục a nêu trên: 30.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>c) Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng: 40.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>d) Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm a, b, c, e, g tại mục này</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: 40.000.000 đồng/giấy phép. - Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: 50.000.000 đồng/giấy phép. <p>đ) Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm b, c, e của mục này: 60.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>e) Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm: 80.000.000 đồng/giấy phép.</p> | | |

| TT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|----|--------------------------------|---|--|---|----------------------|---|--|
| 8 | 1.004434 .000.00.0 0.H12 | Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản | <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản ít nhất là 15 ngày làm việc, kể từ ngày niêm yết việc đấu giá. - Trong thời gian không quá 01 ngày, kể từ ngày hết hạn tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành phương án xét chọn hồ sơ của | <ul style="list-style-type: none"> - Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Tổ chức đấu giá tài sản (TH1: trường hợp cuộc đấu giá do Tổ chức đấu giá tài sản thực hiện) hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường (TH2: trường hợp cuộc đấu giá do Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản thực hiện). - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản); Sở Tài nguyên và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016; - Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ; - Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính. | Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "1.004434" trên Cổng Dịch vụ công quốc gia |

| TT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|----|------------------|---------------------------------|--|--------------------|----------------------|----------------|---------|
| | | | <p>tổ chức, cá nhân đề nghị tham gia cuộc đấu giá.</p> <p>- Thời gian nộp tiền đặt trước được thông báo trong hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản trước khi tổ chức cuộc đấu giá ít nhất là 03 ngày.</p> <p>- Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường phải trình Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá.</p> | | | | |



| | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|---|--------------------------------|--|---|---|----------------------|---|---|
| | | | <p>- Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá, Ủy ban nhân dân tỉnh phải ban hành văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá.</p> <p>- Thời gian thông báo và đăng tải công khai kết quả trúng đấu giá là 05 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá.</p> | | | | |
| 9 | 1.004433 .000.00.0 0.H12 | Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò | - Thời gian tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản ít nhất là 15 ngày làm việc, kể từ | - Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Tổ chức đấu giá tài sản (TH1: trường hợp cuộc đấu giá do Tổ chức đấu giá tài sản thực hiện) hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường (TH2: trường hợp cuộc đấu | Không | - Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016; - Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ; | Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "1.004433" trên Cổng Dịch |

| TT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|----|---------------|--|---|---|----------------------|--|------------------|
| | | khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt | <p>ngày niêm yết việc đấu giá.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời gian không quá 01 ngày, kể từ ngày hết hạn tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành phương án xét chọn hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị tham gia cuộc đấu giá. - Thời gian nộp tiền đặt trước được thông báo trong hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản trước khi tổ chức cuộc đấu giá ít nhất là 03 ngày. - Trong thời gian không quá | <p>giá do Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản thực hiện).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản); Sở Tài nguyên và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. | | <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ; - Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính. | vụ công quốc gia |

| TT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|----|------------------|---------------------------------|--|--------------------|----------------------|----------------|---------|
| | | | <p>05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường phải trình Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá.</p> <p>- Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá, Ủy ban nhân dân tỉnh phải ban hành văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá.</p> <p>- Thời gian thông báo và đăng tải công khai kết quả</p> | | | | |

| TT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|----|--------------------------------|--|---|---|---|--|--|
| | | | trúng đấu giá là 05 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá. | | | | |
| 10 | 2.001783 .000.00.0 0.H12 | Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản | Không quá 28 ngày làm việc (cắt giảm 17/45 ngày làm việc, tỷ lệ cắt giảm 38%) | <ul style="list-style-type: none"> - Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm GQTTHC tỉnh Cà Mau; - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường; - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. | <ul style="list-style-type: none"> 1. Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối - Có công suất khai thác dưới 5.000 m³ /năm: 500.000 đồng/ giấy phép. - Có công suất khai thác từ 5.000 m³ đến 10.000 m³ /năm: 5.000.000 đồng/giấy phép. - Có công suất khai thác trên 10.000 m³ /năm: 7.500.000 đồng/giấy phép. 2. Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m³ /năm: 7.500.000 đồng/giấy phép. - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. | Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "2.001783" trên Cổng Dịch vụ công quốc gia |

| TT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|----|------------------|---------------------------------|------------------------|--------------------|--|----------------|---------|
| | | | | | <p>khai thác dưới 100.000 m³ /năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³ /năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 nêu trên: 10.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>- Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m³ /năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 nêu trên: 15.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>3. Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng: 20.000.000 đồng/giấy phép.</p> | | |

| TT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|----|------------------|---------------------------------|------------------------|--------------------|---|----------------|---------|
| | | | | | <p>4. Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, 2, 3, 6, 7 của mục này:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: 20.000.000 đồng/giấy phép. - Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: 25.000.000 đồng/giấy phép. <p>5. Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, 3, 6 của mục này: 30.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>6. Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm: 40.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>7. Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại: 50.000.000 đồng/giấy phép.</p> | | |

| TT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|----|--------------------------------|--|---|---|---|---|--|
| 11 | 1.004345 .000.00.0 0.H12 | Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản | Không quá 28 ngày làm việc (cắt giảm 17/45 ngày làm việc, tỷ lệ cắt giảm 38%) | <ul style="list-style-type: none"> - Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm GQTTTC tỉnh Cà Mau; - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường; - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. | <p>Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Cụ thể</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối <ul style="list-style-type: none"> - Có công suất khai thác dưới 5.000 m³ /năm: 500.000 đồng/ giấy phép. - Có công suất khai thác từ 5.000 m³ đến 10.000 m³ /năm: 5.000.000 đồng/giấy phép. - Có công suất khai thác trên 10.000 m³ /năm: 7.500.000 đồng/giấy phép. 2. Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: <ul style="list-style-type: none"> - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m³ /năm: 7.500.000 đồng/giấy phép. - Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng | <ul style="list-style-type: none"> - Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy; - <i>Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ;</i> - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. | Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "1.004345" trên Cổng Dịch vụ công quốc gia |



| TT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|----|------------------|---------------------------------|------------------------|--------------------|---|----------------|---------|
| | | | | | <p>thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 nêu trên: 10.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>- Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 nêu trên: 15.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>3. Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và</p> | | |

| TT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|----|------------------|---------------------------------|------------------------|--------------------|--|----------------|---------|
| | | | | | <p>nước khoáng: 20.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>4. Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, 2, 3, 6, 7 của mục này:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: 20.000.000 đồng/giấy phép. - Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: 25.000.000 đồng/giấy phép. <p>5. Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, 3, 6 của mục này: 30.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>6. Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm: 40.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>7. Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại: 50.000.000 đồng/giấy phép.</p> | | |



| TT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|----|-----------------------|---|---|---|----------------------|--|--|
| 12 | 1.004135.000.00.0.H12 | Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản | Không quá 28 ngày làm việc (cắt giảm 17/45 ngày làm việc, tỷ lệ cắt giảm 38%) | <ul style="list-style-type: none"> - Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm GQTTHC tỉnh Cà Mau; - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường; - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy; - <i>Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ;</i> - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; | Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.004135” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia |
| 13 | 1.004367.000.00.0.H12 | Đóng cửa mỏ khoáng sản | Không quá 62 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (cắt giảm 16/78 ngày làm việc, tỷ lệ cắt giảm 21%) | <ul style="list-style-type: none"> - Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm GQTTHC tỉnh Cà Mau; - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường; - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. | Chưa quy định | <ul style="list-style-type: none"> - Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy; - <i>Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ;</i> - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ | Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.004367” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia |

| TT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|----|--------------------------------|--|--|--|---|--|---|
| | | | | | | trường Bộ Tài nguyên và Môi trường; | |
| 14 | 2.001781 .000.00.0 0.H12 | Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản | Không quá 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (cắt giảm 08/33 ngày làm việc, tỷ lệ cắt giảm 24%) | - Địa điểm tiếp nhận và tra kết quả trực tiếp: Trung tâm GQTTHC tỉnh Cà Mau; - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường; - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. | Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Cụ thể: Khai thác tận thu: 5.000.000 đồng/01giấy phép. | - Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. | Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “2.001781” trên Công Dịch vụ công quốc gia |
| 15 | 1.004343 .000.00.0 0.H12 | Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản | Không quá 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (cắt giảm 05/18 ngày làm việc, tỷ lệ cắt giảm 28%) | - Địa điểm tiếp nhận và tra kết quả trực tiếp: Trung tâm GQTTHC tỉnh Cà Mau; - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường; | Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Cụ thể: Gia hạn Giấy phép khai thác | - Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy; | Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.004343” trên Công Dịch |

| TT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|----|------------------------|--|--|---|--------------------------------------|---|--|
| | | | | - Cơ quan có thẩm quyền quyết định UBND tỉnh. | tận thu: 2.500.000 đồng/01giấy phép. | - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; | vụ công quốc gia |
| 16 | 2.001777.000.00.00.H12 | Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản | Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (cắt giảm 06/21 ngày làm việc, tỷ lệ cắt giảm 28%) | - Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm GQTTHC tỉnh Cà Mau; - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường; - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. | Không | - Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. | Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "2.001777" trên Cổng Dịch vụ công quốc gia |

Tổng số Danh mục có 16 thủ tục hành chính./.

QUY TRÌNH NỘI BỘ, LIÊN THÔNG
GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH CÀ MAU



*(Kèm theo Quyết định số 1793 /QĐ-UBND ngày 10 /10/2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)*

1. Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản (Mã số hồ sơ 1.000778.000.00.00.H12)

a) Thời gian giải quyết: Không quá 69 ngày làm việc (cắt giảm 18/87 ngày làm việc, tỷ lệ 21%) kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong đó:

- Tại Sở Tài nguyên và Môi trường: 62 ngày làm việc.
- Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 07 ngày làm việc.

b) Quy trình giải quyết:

Quy trình giải quyết tại Sở Tài nguyên và Môi trường

+ Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tài khoản trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau (*trường hợp chưa có tài khoản thì công chức hướng dẫn hoặc trực tiếp tạo tài khoản cho tổ chức, cá nhân*); nhập các thông tin cơ bản về bộ hồ sơ, kiểm tra các thành phần hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, số hoá hồ sơ, chuyển hồ sơ về Sở Tài nguyên và Môi trường (*Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

+ Bước 2: Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy tiếp nhận hồ sơ, phân công Chuyên viên Phòng tiếp nhận (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), thực hiện kiểm tra, tham mưu thẩm định hồ sơ theo quy định (*trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ*), nếu đủ điều kiện cấp phép thì hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), chuyển Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy xem xét, duyệt trình Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường ký văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định: 61,5 ngày làm việc.

+ Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quy trình tiếp theo: 0,25 ngày làm việc.

- Quy trình giải quyết tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

+ Bước 1: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, thẩm tra hồ sơ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường, hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 6,75 ngày làm việc (*trường hợp từ chối giải quyết do không đủ điều kiện, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*).

+ Bước 2: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày làm việc.

2. Các thủ tục: Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản (Mã số TTHC 1.004481.000.00.00.H12); Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (Mã số TTHC 2.001814.000.00.00.H12); Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản (Mã số TTHC: 1.005408.000.00.00.H12)

a) Thời gian giải quyết: Không quá 28 ngày làm việc (cắt giảm 17/45 ngày làm việc, tỷ lệ 38%) kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong đó:

- Tại Sở Tài nguyên và Môi trường: 23 ngày làm việc.
- Tại Văn phòng UBND tỉnh: 05 ngày làm việc.

b) Quy trình giải quyết:

- Quy trình giải quyết tại Sở Tài nguyên và Môi trường

+ Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tài khoản trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau (*trường hợp chưa có tài khoản thì công chức hướng dẫn hoặc trực tiếp tạo tài khoản cho tổ chức, cá nhân*); nhập các thông tin cơ bản về bộ hồ sơ, kiểm tra các thành phần hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, số hoá hồ sơ, chuyển hồ sơ về Sở Tài nguyên và Môi trường (*Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

+ Bước 2: Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy tiếp nhận hồ sơ, phân công Chuyên viên Phòng tiếp nhận (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), thực hiện kiểm tra, tham mưu thẩm định hồ sơ theo quy định (*trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ*), nếu đủ điều kiện thì hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), chuyển Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn xem xét, duyệt trình Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường ký văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định: 22,5 ngày làm việc.

+ Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quy trình tiếp theo: 0,25 ngày làm việc.

- Quy trình giải quyết tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

+ Bước 1: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, thẩm tra hồ sơ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường, hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 4,75 ngày làm việc



(trường hợp từ chối giải quyết do không đủ điều kiện, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do).

➤ Bước 2: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, trả kết quả *(đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử)* cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày làm việc.

3. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản (Mã số TTHC 2.001787.000.00.00.H12)

a) Thời gian giải quyết: Không quá 146 ngày làm việc (cắt giảm 38/184 ngày làm việc, tỷ lệ 21%) kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong đó:

- Tại Sở Tài nguyên và Môi trường: 143 ngày làm việc.
- Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 03 ngày làm việc.

b) Quy trình giải quyết:

- Quy trình giải quyết tại Sở Tài nguyên và Môi trường

+ Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tài khoản trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau *(trường hợp chưa có tài khoản thì công chức hướng dẫn hoặc trực tiếp tạo tài khoản cho tổ chức, cá nhân)*; nhập các thông tin cơ bản về bộ hồ sơ, kiểm tra các thành phần hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, số hoá hồ sơ, chuyển hồ sơ về Sở Tài nguyên và Môi trường *(Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn)* để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

+ Bước 2: Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy tiếp nhận hồ sơ, phân công Chuyên viên Phòng tiếp nhận *(chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan)*, thực hiện kiểm tra, tham mưu thẩm định hồ sơ theo quy định *(trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ)*, nếu đủ điều kiện thì hoàn thiện hồ sơ *(nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý)*, chuyển Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn xem xét, duyệt trình Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường ký văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định: 142,5 ngày làm việc.

+ Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quy trình tiếp theo: 0,25 ngày làm việc.

- Quy trình giải quyết tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

+ Bước 1: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, thẩm tra hồ sơ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường, hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 2,75 ngày làm việc *(trường hợp từ chối giải quyết do không đủ điều kiện, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do).*

+ Bước 2: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày làm việc.

4. Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản (Mã số TTHC: 1.004083.000.00.00.H12)

a) Thời gian giải quyết: Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong đó:

- Tại Sở Tài nguyên và Môi trường: 06 ngày làm việc.
- Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 04 ngày làm việc.

b) Quy trình giải quyết:

- Quy trình giải quyết tại Sở Tài nguyên và Môi trường

+ Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tài khoản trên Công Dịch vụ công quốc gia, Công Dịch vụ công tỉnh Cà Mau (*trường hợp chưa có tài khoản thì công chức hướng dẫn hoặc trực tiếp tạo tài khoản cho tổ chức, cá nhân*); nhập các thông tin cơ bản về bộ hồ sơ, kiểm tra các thành phần hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, số hoá hồ sơ, chuyển hồ sơ về Sở Tài nguyên và Môi trường (*Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

+ Bước 2: Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy tiếp nhận hồ sơ, phân công Chuyên viên Phòng tiếp nhận (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), thực hiện kiểm tra, tham mưu thẩm định hồ sơ theo quy định (*trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ*), nếu đủ điều kiện thì hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), chuyển Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn xem xét, duyệt trình Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường ký văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định: 5,5 ngày làm việc.

+ Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quy trình tiếp theo: 0,25 ngày làm việc.

- Quy trình giải quyết tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

+ Bước 1: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, thẩm tra hồ sơ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường, hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 3,75 ngày làm việc (*trường hợp từ chối giải quyết do không đủ điều kiện, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*).

+ Bước 2: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, trả kết quả (*đồng*

thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày làm việc.

5. Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình (Mã số hồ sơ: 1.004446.000.00.00.H12)

a) Thời gian giải quyết:

- **Trường hợp 1:** Đối với hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản: Không quá 69 ngày làm việc (cắt giảm 18/87 ngày, tỷ lệ 21%) kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong đó:

+ Tại Sở Tài nguyên và Môi trường: 62 ngày làm việc.

+ Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 07 ngày làm việc.

- **Trường hợp 2:** Đối với hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: Không quá 26 ngày làm việc (cắt giảm 14/40 ngày làm việc, tỷ lệ 35%) kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong đó:

+ Tại Sở Tài nguyên và Môi trường: 19 ngày làm việc.

+ Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 07 ngày làm việc.

- **Trường hợp 3:** Đối với hồ sơ khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: Không quá 45 ngày làm việc (cắt giảm 12/57 ngày làm việc, tỷ lệ 21%) kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong đó:

+ Tại Sở Tài nguyên và Môi trường: 38 ngày làm việc.

+ Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 07 ngày làm việc.

b) Quy trình giải quyết:

Quy trình giải quyết tại Sở Tài nguyên và Môi trường

+ Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tài khoản trên Công Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau (*trường hợp chưa có tài khoản thì công chức hướng dẫn hoặc trực tiếp tạo tài khoản cho tổ chức, cá nhân*); nhập các thông tin cơ bản về bộ hồ sơ, kiểm tra các thành phần hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, số hoá hồ sơ, chuyển hồ sơ về Sở Tài nguyên và Môi trường (*Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

+ Bước 2: Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy tiếp nhận hồ sơ, phân công Chuyên viên Phòng tiếp nhận (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), thực hiện kiểm tra, tham mưu thẩm định hồ sơ theo quy định (*trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ*), nếu đủ điều kiện thì hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), chuyển Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn xem xét, duyệt trình Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường ký văn bản

trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định: Trường hợp 1: 61,5 ngày làm việc; trường hợp 2: 18,5 ngày làm việc; trường hợp 3: 37,5 ngày làm việc.

+ Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quy trình tiếp theo: 0,25 ngày làm việc.

- Quy trình giải quyết tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

+ Bước 1: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, thẩm tra hồ sơ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường, hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 6,75 ngày làm việc đối với cả 3 trường hợp (*trường hợp từ chối giải quyết do không đủ điều kiện, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*).

+ Bước 2: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày làm việc.

6. Các thủ tục: Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản (Mã số TTHC: 1.004434.000.00.00.H12); Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (Mã số TTHC: 1.004433.000.00.00.H12)

a) Thời gian giải quyết

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản ít nhất là 15 ngày làm việc, kể từ ngày niêm yết việc đấu giá.

- Thời gian thông báo và đăng tải công khai kết quả trúng đấu giá là 05 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá.

- Tại Sở Tài nguyên và Môi trường

+ Trong thời gian không quá 01 ngày, kể từ ngày hết hạn tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành phương án xét chọn hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị tham gia cuộc đấu giá.

+ Thời gian nộp tiền đặt trước được thông báo trong hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản trước khi tổ chức cuộc đấu giá ít nhất là 03 ngày.

+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường phải trình Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

- Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá, Ủy ban nhân dân tỉnh phải ban hành văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá.



b) Quy trình thực hiện

Quy trình thực hiện tại Tổ chức đấu giá tài sản thực hiện hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản

+ Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải lập hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản và nộp cho Tổ chức đấu giá tài sản (Trường hợp 1 (TH1): trường hợp cuộc đấu giá do Tổ chức đấu giá tài sản thực hiện) hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường (Trường hợp 2 (TH2): trường hợp cuộc đấu giá do Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản thực hiện).

+ Bước 2:

Tổ chức đấu giá tài sản (TH1) hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường, (TH2) tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản cho đến trước ngày mở cuộc đấu giá 02 ngày làm việc.

Sau khi hết thời hạn tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành xét chọn hồ sơ để lựa chọn tổ chức, cá nhân đủ điều kiện tham gia cuộc đấu giá: 01 ngày làm việc. (Đồng thời, đối với hồ sơ xét chọn, Tổ chức đấu giá tài sản (TH1) hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường, (TH2) phải thông báo cho tổ chức, cá nhân liên quan bằng văn bản về thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá cho tổ chức, cá nhân được tham gia cuộc đấu giá hoặc thông báo cho tổ chức, cá nhân không được xét chọn và nêu rõ lý do.

+ Bước 3: Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải nộp tiền đặt trước trước khi tham gia cuộc đấu giá. Trước khi tổ chức cuộc đấu giá ít nhất là 03 ngày.

+ Bước 4: Sau khi hoàn thiện các bước xét chọn hồ sơ thì tiến hành cuộc đấu giá (cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản chỉ được tiến hành khi có ít nhất 02 tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá).

+ Bước 5: Sau khi kết thúc cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt kết quả trúng đấu giá: 4,75 ngày làm việc.

+ Bước 6: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quy trình tiếp theo: 0,25 ngày làm việc.

+ Bước 7: Khi có kết quả phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo công khai tại trụ sở cơ quan tiếp nhận hồ sơ đấu giá nơi có khu vực khoáng sản được đấu giá.

- Quy trình thực hiện tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

+ Bước 1: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, thẩm tra hồ sơ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường, hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký phê duyệt kết quả trúng đấu giá: 4,75 ngày làm việc.

+ Bước 2: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Tổ chức đấu giá tài sản thực hiện hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo quy định, đồng thời chuyển kết quả cho Cổng Thông tin điện tử tỉnh thực hiện đăng công khai trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh: 0,25 ngày làm việc.

7. Các thủ tục: Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản (Mã số TTHC: 2.001783.000.00.00.H12); Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (Mã số TTHC: 1.004345.000.00.00.H12); Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản (Mã số TTHC: 1.004135.000.00.00.H12)

a) Thời gian giải quyết: Không quá 28 ngày làm việc (cắt giảm 17/45 ngày làm việc, tỷ lệ 38%) kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong đó:

- Tại Sở Tài nguyên và Môi trường: 23 ngày làm việc.
- Tại Văn phòng Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 05 ngày làm việc.

b) Quy trình giải quyết:

- Quy trình giải quyết tại Sở Tài nguyên và Môi trường

+ Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tài khoản trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau (*trường hợp chưa có tài khoản thì công chức hướng dẫn hoặc trực tiếp tạo tài khoản cho tổ chức, cá nhân*); nhập các thông tin cơ bản về bộ hồ sơ, kiểm tra các thành phần hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, số hoá hồ sơ, chuyển hồ sơ về Sở Tài nguyên và Môi trường (*Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

+ Bước 2: Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy tiếp nhận hồ sơ, phân công Chuyên viên Phòng tiếp nhận (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), thực hiện kiểm tra, tham mưu thẩm định hồ sơ theo quy định (*trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ*), nếu đủ điều kiện thì hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), chuyển Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy xem xét, duyệt trình Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường ký văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định: 22,5 ngày làm việc.

+ Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quy trình tiếp theo: 0,25 ngày làm việc.

- Quy trình giải quyết tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

+ Bước 1: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, thẩm tra hồ sơ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường, hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 4,75 ngày làm việc

(trường hợp từ chối giải quyết do không đủ điều kiện, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do).

+ Bước 2: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, trả kết quả (đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày làm việc.

8. Đóng cửa mở khoáng sản (Mã số TTHC: 1.004367.000.00.00.H12)

a) Thời gian giải quyết: Không quá 62 ngày làm việc (cắt giảm 16/78 ngày làm việc, tỷ lệ 21%) kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong đó:

- Tại Sở Tài nguyên và Môi trường: 55 ngày làm việc.
- Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 07 ngày làm việc.

b) Quy trình giải quyết:

- Quy trình giải quyết tại Sở Tài nguyên và Môi trường

+ Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tài khoản trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau (trường hợp chưa có tài khoản thì công chức hướng dẫn hoặc trực tiếp tạo tài khoản cho tổ chức, cá nhân); nhập các thông tin cơ bản về bộ hồ sơ, kiểm tra các thành phần hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, số hoá hồ sơ, chuyển hồ sơ về Sở Tài nguyên và Môi trường (Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

+ Bước 2: Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy tiếp nhận hồ sơ, phân công Chuyên viên Phòng tiếp nhận (chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan), thực hiện kiểm tra, tham mưu thẩm định hồ sơ theo quy định (trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ), nếu đủ điều kiện thì hoàn thiện hồ sơ (nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý), chuyển Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn xem xét, duyệt trình Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường ký văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định: 54,5 ngày làm việc.

+ Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quy trình tiếp theo: 0,25 ngày làm việc.

- Quy trình giải quyết tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

+ Bước 1: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, thẩm tra hồ sơ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường, hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 6,75 ngày làm việc (trường hợp từ chối giải quyết do không đủ điều kiện, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do).

+ Bước 2: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành

chính tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày làm việc.

9. Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Mã số TTHC 2.001781.000.00.00.H12)

a) Thời gian giải quyết: Không quá 25 ngày làm việc (cắt giảm 8/33 ngày làm việc, tỷ lệ 24%) kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong đó:

- Tại Sở Tài nguyên và Môi trường: 20 ngày làm việc.
- Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 05 ngày làm việc.

b) Quy trình giải quyết:

- Quy trình giải quyết tại Sở Tài nguyên và Môi trường

+ Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tài khoản trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau (*trường hợp chưa có tài khoản thì công chức hướng dẫn hoặc trực tiếp tạo tài khoản cho tổ chức, cá nhân*); nhập các thông tin cơ bản về bộ hồ sơ, kiểm tra các thành phần hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, số hoá hồ sơ, chuyển hồ sơ về Sở Tài nguyên và Môi trường (*Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

+ Bước 2: Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy tiếp nhận hồ sơ, phân công Chuyên viên Phòng tiếp nhận (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), thực hiện kiểm tra, tham mưu thẩm định hồ sơ theo quy định (*trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ*), nếu đủ điều kiện thì hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), chuyển Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn xem xét, duyệt trình Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường ký văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định: 19,5 ngày làm việc.

+ Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quy trình tiếp theo: 0,25 ngày làm việc.

- Quy trình giải quyết tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

+ Bước 1: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, thẩm tra hồ sơ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường, hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 4,75 ngày làm việc (*trường hợp từ chối giải quyết do không đủ điều kiện, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*).

+ Bước 2: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày làm việc.



10. Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Mã số TTHC 1.004343.000.00.00.H12)

a) Thời gian giải quyết: Không quá 13 ngày làm việc (cắt giảm 5/18 ngày làm việc, tỷ lệ 28%) kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong đó:

- Tại Sở Tài nguyên và Môi trường: 10 ngày làm việc.
- Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 03 ngày làm việc.

b) Quy trình giải quyết:

- Quy trình giải quyết tại Sở Tài nguyên và Môi trường

+ Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tài khoản trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cà Mau (*trường hợp chưa có tài khoản thì công chức hướng dẫn hoặc trực tiếp tạo tài khoản cho tổ chức, cá nhân*); nhập các thông tin cơ bản về bộ hồ sơ, kiểm tra các thành phần hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, số hoá hồ sơ, chuyển hồ sơ về Sở Tài nguyên và Môi trường (*Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

+ Bước 2: Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn tiếp nhận hồ sơ, phân công Chuyên viên Phòng tiếp nhận (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), thực hiện kiểm tra, tham mưu thẩm định hồ sơ theo quy định (*trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ*), nếu đủ điều kiện thì hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), chuyển Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn xem xét, duyệt trình Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường ký văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định: 9,5 ngày làm việc.

+ Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quy trình tiếp theo: 0,25 ngày làm việc.

- Quy trình giải quyết tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

+ Bước 1: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, thẩm tra hồ sơ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường, hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 2,75 ngày làm việc (*trường hợp từ chối giải quyết do không đủ điều kiện, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*).

+ Bước 2: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày làm việc.

11. Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Mã số TTHC 2.001777.000.00.00.H12)

a) Thời gian giải quyết: Không quá 15 ngày làm việc (cắt giảm 6/21 ngày làm việc, tỷ lệ 28%) kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong đó:

- Tại Sở Tài nguyên và Môi trường: 12 ngày làm việc.
- Tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 03 ngày làm việc.

b) Quy trình giải quyết:

- Quy trình giải quyết tại Sở Tài nguyên và Môi trường

+ Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tài khoản trên Công Dịch vụ công quốc gia, Công Dịch vụ công tỉnh Cà Mau (*trường hợp chưa có tài khoản thì công chức hướng dẫn hoặc trực tiếp tạo tài khoản cho tổ chức, cá nhân*); nhập các thông tin cơ bản về bộ hồ sơ, kiểm tra các thành phần hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, số hoá hồ sơ, chuyển hồ sơ về Sở Tài nguyên và Môi trường (*Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

+ Bước 2: Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy tiếp nhận hồ sơ, phân công Chuyên viên Phòng tiếp nhận (*chứng thực hồ sơ nếu có yêu cầu, kiểm tra file scan*), thực hiện kiểm tra, tham mưu thẩm định hồ sơ theo quy định (*trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ*), nếu đủ điều kiện thì hoàn thiện hồ sơ (*nhập thông tin, đính kèm file, kết quả xử lý*), chuyển Lãnh đạo Phòng Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn xem xét, duyệt trình Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường ký văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định: 11,5 ngày làm việc.


+ Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quy trình tiếp theo: 0,25 ngày làm việc.

- Quy trình giải quyết tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

+ Bước 1: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, thẩm tra hồ sơ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường, hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định: 2,75 ngày làm việc (*trường hợp từ chối giải quyết do không đủ điều kiện, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*).

+ Bước 2: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử, trả kết quả (*đồng thời cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử*) cho tổ chức, cá nhân theo quy định: 0,25 ngày làm việc.

Lưu ý: Đối với các Quy trình liên thông như trên đơn vị nào nhận hồ sơ đầu vào xuất phiếu hẹn phải đảm bảo tổng thời gian thực hiện các Quy trình (từ khi nhận hồ sơ đầu vào đến khi kết thúc các quy trình, kết quả cho tổ chức, cá nhân)



nhân) và để đảm bảo việc trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo phiếu hẹn, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính liên thông/không liên thông chủ động chuyển, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả trước 01 buổi. Đồng thời yêu cầu các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng theo Quy trình số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính; cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử theo quy định./.